

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 46

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc. Ông Nguyễn Mạnh Hải, Phó Tổng Giám đốc, được Ông Phan Chiến Thắng ủy quyền ký báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 63/UQ-ELC ngày 21 tháng 8 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và chi nhánh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và chi nhánh, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Văn phòng Công ty và chi nhánh và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Văn phòng Công ty và chi nhánh vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61141397/18956583-TH/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đó và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 28 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

2-C
TY
H
YO
IAN
ÁN
ỘI
1.5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		787.473.324.805	766.422.221.411
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	112.610.407.835	93.915.522.599
111	1. Tiền		2.610.407.835	44.962.522.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		110.000.000.000	48.953.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.220.566.140	1.451.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(1.193.649.600)	(2.962.671.833)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		517.337.010.738	603.555.616.495
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	401.822.905.250	473.305.124.213
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	28.462.603.236	33.481.817.632
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	25.267.436.000	29.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	82.579.426.448	92.947.239.547
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 7, 8	(20.795.360.196)	(25.678.564.897)
140	IV. Hàng tồn kho	9	153.065.813.328	66.498.923.348
141	1. Hàng tồn kho		153.065.813.328	66.498.923.348
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.239.526.764	1.000.615.062
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		681.339.253	479.192.263
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		558.187.511	521.422.799
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		311.269.700.033	321.863.629.804
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		102.150.000	102.285.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		102.150.000	102.285.000
220	II. Tài sản cố định		121.511.103.251	128.520.365.610
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	114.272.143.497	124.381.775.202
222	Nguyên giá		188.225.580.551	212.998.529.746
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.953.437.054)	(88.616.754.544)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	7.238.959.754	4.138.590.408
228	Nguyên giá		9.959.639.881	5.479.639.881
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.720.680.127)	(1.341.049.473)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		341.791.885	341.791.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		341.791.885	341.791.885
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	188.799.084.228	192.249.579.123
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.702.300.000	49.702.300.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		17.360.740.000	17.360.740.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		133.568.815.457	131.553.815.457
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(11.832.771.229)	(6.367.276.334)
260	V. Tài sản dài hạn khác		515.570.669	649.608.186
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		515.570.669	649.608.186
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.098.743.024.838	1.088.285.851.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		306.228.503.348	292.523.400.114
310	I. Nợ ngắn hạn		281.521.545.784	265.814.940.438
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	190.239.236.246	142.827.388.425
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	2.915.498.940	19.806.233.957
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.632.354.891	12.959.662.427
314	4. Phải trả người lao động		4.188.679.355	14.266.830.697
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.214.480.039	5.956.394.656
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		289.792.000	289.408.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.259.439.261	3.160.969.684
320	8. Vay ngắn hạn	17	54.260.254.255	58.281.288.917
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	18	3.001.530.401	2.754.592.529
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	11.520.280.396	5.512.171.146
330	II. Nợ dài hạn		24.706.957.564	26.708.459.676
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	18	24.706.957.564	26.708.459.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		792.514.521.490	795.762.451.101
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	792.514.521.490	795.762.451.101
411	1. Vốn cổ phần		475.973.750.000	465.973.750.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		475.973.750.000	465.973.750.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		88.677.010.000	88.697.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.382.900.000)	(1.353.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		38.575.255.576	35.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		185.471.405.914	201.469.435.525
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước		160.684.810.525	126.067.447.324
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này		24.786.595.389	75.401.988.201
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.098.743.024.838	1.088.285.851.215

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	295.551.523.711	357.288.231.318
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	295.551.523.711	357.288.231.318
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(221.857.509.194)	(258.478.872.657)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.694.014.517	98.809.358.661
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	3.295.810.974	5.418.572.994
22	7. Chi phí tài chính	24	(5.096.453.386)	(5.997.474.516)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(965.418.723)	(4.517.515.247)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(6.380.282.449)	(8.799.312.539)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(32.055.817.964)	(59.068.897.344)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.457.271.692	30.362.247.256
31	11. Thu nhập khác	26	2.655.297.589	1.748.795.115
32	12. Chi phí khác	26	(4.322.582.012)	(965.781.423)
40	13. Lỗ/(lợi nhuận) khác	26	(1.667.284.423)	783.013.692
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.789.987.269	31.145.260.948
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(7.003.391.880)	(5.222.439.037)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		24.786.595.389	25.922.821.911

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		31.789.987.269	31.145.260.948
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		13.773.921.906	12.588.410.248
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(2.941.296.279)	20.851.292.371
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(91.595.214)	(345.273.583)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.622.829.402)	(2.602.192.283)
06	Chi phí lãi vay		965.418.723	4.517.515.247
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		40.873.607.003	66.155.012.948
09	(Giảm)/tăng các khoản phải thu		78.490.556.231	(29.391.024.449)
10	Tăng hàng tồn kho		(86.566.889.980)	(334.969.121.552)
11	Tăng các khoản phải trả		10.900.626.359	175.066.017.764
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(68.109.473)	1.962.634.370
14	Tiền lãi vay đã trả		(983.105.313)	(4.564.338.114)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.209.713.619)	(10.533.283.993)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.491.890.750)	(3.158.057.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		33.945.080.458	(139.432.160.226)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(6.764.659.547)	(2.341.306.954)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.300.000.000)	(23.555.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.282.564.000	11.158.700.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.015.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.999.969.144
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.213.629.130	9.774.364.938
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		6.416.533.583	(963.272.872)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		9.980.000.000	7.985.000.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(29.900.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		83.801.443.308	205.468.338.453
34	Tiền trả nợ gốc vay		(87.720.303.216)	(82.483.852.120)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.699.404.310)	(21.931.365.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		(21.668.164.218)	109.038.120.583
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.693.449.823	(31.357.312.515)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		93.915.522.599	65.369.197.751
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.435.413	38.826.829
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	112.610.407.835	34.050.712.065

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 231 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 283).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông là công ty mẹ có các công ty con, công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vào ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này chỉ trình bày tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh. Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Cơ sở tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh sử dụng để tổng hợp được lập cho cùng một kỳ báo cáo và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Văn phòng Công ty và chi nhánh được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí đi vay (tiếp theo)*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ;
- ▶ Các chi phí khác.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ của Văn phòng Công ty và chi nhánh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)*

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa niên độ cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	652.025.939	306.578.130
Tiền gửi ngân hàng	1.958.381.896	44.655.944.469
Các khoản tương đương tiền (*)	110.000.000.000	48.953.000.000
TỔNG CỘNG	112.610.407.835	93.915.522.599

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,3% đến 4,4%/năm.

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	83.801.443.308	205.468.338.453
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(87.720.303.216)	(82.483.852.120)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN

5.1. Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Chứng khoán kinh doanh:								
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	152.063.700	-		67.295.740	103.250.000	-	
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	3.153.270.400	(1.193.649.600)		4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	3.305.334.100	(1.193.649.600)		4.414.215.740	1.487.498.167	(2.962.671.833)	

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	385.420.602.519	466.826.920.927
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	133.469.955.849	46.353.030.630
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	49.748.057.657	60.066.760.096
- Cục Công nghệ Thông tin – Bộ Quốc phòng	39.694.966.600	8.044.464.400
- Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	8.081.147.720	136.972.379.433
- Các khoản phải thu khách hàng khác	154.426.474.693	215.390.286.368
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	16.402.302.731	6.478.203.286
TỔNG CỘNG	401.822.905.250	473.305.124.213
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.826.004.782)	(3.112.032.414)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	15.462.603.236	20.481.817.632
- Công ty TNHH Techconvina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	2.346.497.199	2.619.000.000
- Các khoản trả trước khác	4.893.353.267	9.640.064.862
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	28.462.603.236	33.481.817.632

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bà Nguyễn Phương Hải (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	14.400.000.000
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.867.436.000	9.100.000.000
TỔNG CỘNG	25.267.436.000	29.500.000.000
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(9.400.000.000)	(14.400.000.000)

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới. Công ty đã thu hồi được khoản vay này vào ngày 12 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Phải thu lợi nhuận từ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	45.768.797.558	56.274.344.485
Tạm ứng cho nhân viên	10.153.940.003	11.155.603.042
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	4.289.885.279
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	2.348.010.366
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	2.005.750.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	1.916.209.769
Phải thu khác	11.896.833.473	10.157.436.606
TỔNG CỘNG	82.579.426.448	92.947.239.547
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(7.569.355.414)	(8.166.532.483)
Trong đó:		
Phải thu khác	33.222.893.611	32.485.294.783
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	49.458.682.837	60.564.229.764

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	71.556.164.390	-	24.507.707.189	-
Thành phẩm	128.563.045	-	215.928.856	-
Hàng hóa	81.366.585.893	-	41.760.787.303	-
TỔNG CỘNG	153.065.813.328	-	66.498.923.348	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	80.180.180.237	81.143.872.024	29.378.039.985	22.296.437.500	212.998.529.746
- Mua trong kỳ	-	1.618.873.070	-	459.513.750	2.078.386.820
- Đầu tư XDCB hoàn thành	206.272.727	-	-	-	206.272.727
- Phân loại lại	-	(88.154.360)	-	88.154.360	-
- Xóa sổ	-	(13.903.659.849)	(10.138.800.853)	(3.015.148.040)	(27.057.608.742)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	80.386.452.964	68.770.930.885	19.239.239.132	19.828.957.570	188.225.580.551
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	5.788.658.773	-	5.788.658.773
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.173.952.779	43.195.870.431	21.759.254.689	10.487.676.645	88.616.754.544
- Khấu hao trong kỳ	1.441.368.998	7.206.448.122	1.285.472.079	2.461.002.053	12.394.291.252
- Phân loại lại	-	(88.154.360)	-	88.154.360	-
- Xóa sổ	-	(13.903.659.849)	(10.138.800.853)	(3.015.148.040)	(27.057.608.742)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	14.615.321.777	36.410.504.344	12.905.925.915	10.021.685.018	73.953.437.054
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	67.006.227.458	37.948.001.593	7.618.785.296	11.808.760.855	124.381.775.202
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	65.771.131.187	32.360.426.541	6.333.313.217	9.807.272.552	114.272.143.497

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.479.639.881
- Mua trong kỳ	<u>4.480.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.959.639.881</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.341.049.473
- Hao mòn trong kỳ	<u>1.379.630.654</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.720.680.127</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>4.138.590.408</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u><u>7.238.959.754</u></u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con		49.702.300.000	5.982.433.551	43.719.866.449		49.702.300.000	2.461.037.582	47.241.262.418	
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	3.000.000	30.000.000.000	4.034.991.438	25.965.008.562	3.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	1.205.230	12.052.300.000	442.220.517	11.610.079.483	1.205.230	12.052.300.000	1.387.430.216	10.664.869.784	
Công ty Cổ phần Elcom Plus	765.000	7.650.000.000	1.505.221.596	6.144.778.404	765.000	7.650.000.000	1.073.607.366	6.576.392.634	
Đầu tư vào công ty liên kết		17.360.740.000	368.567.916	16.992.172.084		17.360.740.000	-	17.360.740.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	17.360.740.000	368.567.916	16.992.172.084	626.074	17.360.740.000	-	17.360.740.000	
Đầu tư vào đơn vị khác		133.568.815.457	5.481.769.762	128.087.045.695		131.553.815.457	3.906.238.752	127.647.576.705	
Đầu tư cổ phiếu (*)		89.734.549.500	5.481.769.762	84.252.779.738		87.919.549.500	3.906.238.752	84.013.310.748	
Công ty Cổ phần Phát triển Đồng Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.374.295.364	27.215.704.636	1.250.000	28.590.000.000	1.227.645.953	27.362.354.047	
Công ty Cổ phần Trung Ván	371.699	26.985.200.000	1.020.832.519	25.964.367.481	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	
Công ty Cổ phần Atani Holdings	1.371.000	13.710.000.000	2.726.641.879	10.983.358.121	1.189.500	11.895.000.000	2.418.139.101	9.476.860.899	
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	360.000.000	-	36.000	360.000.000	-	360.000.000	
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)			
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)								
Đầu tư dài hạn khác		43.834.265.957	-	43.834.265.957		43.634.265.957	-	43.634.265.957
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000
Dự án Thanh Trì - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		5.862.765.957	-	5.862.765.957		5.862.765.957	-	5.862.765.957
Dự án Quản lý xe buýt - Công ty Cổ phần Transmedia		200.000.000	-	200.000.000		-	-	-
TỔNG CỘNG		200.631.855.457	11.832.771.229	188.799.084.228		198.616.855.457	6.367.276.334	192.249.579.123

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%
Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	42,97%	42,97%

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn ("Công ty Bắc Kạn") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4700162684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 8 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại số 91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

Công ty Bắc Kạn đã nhận được quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 8 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đóng cửa mỏ đồng Khuổi Kim – Nà Pì, xã Liềm Thủy, huyện Nà Rì đã giao cho Công ty Bắc Kạn trước đó và giao đất cho UBND xã Liềm Thủy, huyện Nà Rì quản lý với diện tích là 272,4 ha.

Sau đó, Công ty Bắc Kạn đã gửi công văn số 08/CV ngày 9 tháng 8 năm 2017 lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn để xin tiếp tục cấp phép đánh giá và khai thác khoáng sản tại mỏ quặng đồng tại thôn Nà Pì, xã Liềm Thủy, huyện Nà Rì, tỉnh Bắc Kạn với diện tích 45 ha. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty Bắc Kạn vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi của UBND Tỉnh Bắc Kạn về công văn yêu cầu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	182.275.289.107	182.275.289.107	132.032.193.403	132.032.193.403
- Công ty Ciena Communications Inc.	102.545.535.026	102.545.535.026	20.227.566.468	20.227.566.468
- Công ty SIAE Microelettronica S.p.A	23.170.169.474	23.170.169.474	11.101.710.248	11.101.710.248
- Công ty Hudson Capital Holding Ltd.	14.121.104.437	14.121.104.437	17.411.030.126	17.411.030.126
- Phải trả đối tượng khác	42.438.480.170	42.438.480.170	83.291.886.561	83.291.886.561
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	7.963.947.139	7.963.947.139	10.795.195.022	10.795.195.022
TỔNG CỘNG	190.239.236.246	190.239.236.246	142.827.388.425	142.827.388.425

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	2.456.012.750
Cục Công nghệ thông tin	-	7.341.257.600
Bộ Tư lệnh Thông tin Liên lạc	823.095.000	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Hà Phan	568.016.940	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	368.080.000	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	362.031.000	-
Người mua trả tiền trước khác	794.276.000	1.049.021.090
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	-	8.959.942.517
TỔNG CỘNG	2.915.498.940	19.806.233.957

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.994.869.776	19.721.349.031	28.295.955.396	420.263.411
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.963.611.745	1.963.611.745	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.129.713.619	7.003.391.880	5.209.713.619	4.923.391.880
Thuế thu nhập cá nhân	310.838.172	3.122.556.245	3.261.867.297	171.527.120
Thuế nhà thầu	411.180.263	5.354.129.615	4.761.197.995	1.004.111.883
Các loại thuế khác	113.060.597	-	-	113.060.597
TỔNG CỘNG	12.959.662.427	37.165.038.516	43.492.346.052	6.632.354.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí thực hiện dự án	2.981.662.781	5.475.636.716
Chi phí khác	1.232.817.258	480.757.940
TỔNG CỘNG	4.214.480.039	5.956.394.656

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	885.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	824.647.308	815.660.688
Kinh phí công đoàn	399.427.552	772.507.979
Phải trả hàng mang đi bảo hành	1.685.956.275	274.690.908
Các khoản phải trả, phải nộp khác	464.143.413	412.845.396
TỔNG CỘNG	4.259.439.261	3.160.969.684

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng ngắn hạn	58.281.288.917	58.281.288.917	83.801.443.308	87.720.303.216	(102.174.754)	54.260.254.255	54.260.254.255	
TỔNG CỘNG	58.281.288.917	58.281.288.917	83.801.443.308	87.720.303.216	(102.174.754)	54.260.254.255	54.260.254.255	

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	(VND)	(USD)			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	25.814.822.295	1.133.472	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 7 tháng 12 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	2,0% - 2,2%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	23.204.939.835	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 19 tháng 11 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,7%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	5.240.492.125	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 18 tháng 10 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,8%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	54.260.254.255	1.133.472			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	3.001.530.401	2.754.592.529
TỔNG CỘNG	3.001.530.401	2.754.592.529
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	24.706.957.564	26.708.459.676
TỔNG CỘNG	24.706.957.564	26.708.459.676

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số dư đầu kỳ	5.512.171.146	2.447.135.751
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 20.1)	9.500.000.000	7.500.000.000
Phân bổ cho công ty con	(2.500.000.000)	(2.600.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(991.890.750)	(558.057.200)
Số dư cuối kỳ	11.520.280.396	6.789.078.551

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Kỳ trước							Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	202.694.516.124	744.820.261.700
- Tăng vốn trong kỳ	8.000.000.000	(15.000.000)	-	-	-	-	7.985.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	25.922.821.911	25.922.821.911
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	(24.873.298.800)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	423.719.980.000	88.697.010.000	(1.281.500.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	194.244.039.235	746.354.784.811
Kỳ này							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	201.469.435.525	795.762.451.101
- Tăng vốn trong kỳ (*)	10.000.000.000	(20.000.000)	-	-	-	-	9.980.000.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	24.786.595.389	24.786.595.389
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(28.484.625.000)	(28.484.625.000)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.500.000.000)	(9.500.000.000)
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(29.900.000)	-	-	-	(29.900.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	475.973.750.000	88.677.010.000	(1.382.900.000)	38.575.255.576	5.200.000.000	185.471.405.914	792.514.521.490

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 2 năm 2017 về việc phát hành và nếm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	475.973.750.000	475.973.750.000	-	465.973.750.000	465.973.750.000	-
Thặng dư vốn						
cổ phần	88.677.010.000	88.677.010.000	-	88.697.010.000	88.697.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.382.900.000)	(1.382.900.000)	-	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-
TỔNG CỘNG	563.267.860.000	563.267.860.000	-	553.317.760.000	553.317.760.000	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	465.973.750.000	415.719.980.000
Tăng vốn trong kỳ	10.000.000.000	8.000.000.000
Số cuối kỳ	475.973.750.000	423.719.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	28.484.625.000	24.873.298.800

20.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố trong kỳ	28.484.625.000	24.873.298.800
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	28.484.625.000	24.873.298.800
Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	-	24.873.298.800
Cổ tức cho năm 2016: 600 VND/cổ phiếu	28.484.625.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
Cổ phiếu đã phát hành	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
Cổ phiếu phổ thông	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	125.990	1.382.900.000	123.000	1.353.000.000
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	125.990	1.382.900.000	123.000	1.353.000.000
Cổ phiếu phổ thông	125.990	1.382.900.000	123.000	1.353.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	47.471.385	474.590.850.000	46.474.375	464.620.750.000
Cổ phiếu phổ thông	47.471.385	474.590.850.000	46.474.375	464.620.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là ELC.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.173,92	105.224,38
Bảng Anh (GBP)	990,14	990,14
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	6.057.777.778

(*) Đây là khoản cho vay và lãi vay từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	295.551.523.711	357.288.231.318
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	183.807.611.001	243.644.389.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.236.368.110	100.863.629.135
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	507.544.600	12.731.604.000
Doanh thu thành phẩm khác	-	48.609.090
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	295.551.523.711	357.288.231.318
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	183.807.611.001	243.644.389.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.236.368.110	100.863.629.135
Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	507.544.600	12.731.604.000
Doanh thu thành phẩm khác	-	48.609.090
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	270.035.600.097	355.876.509.414
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	25.515.923.614	1.411.721.904

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.471.868.055	1.531.596.409
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.961.347	188.440.200
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.011.229.144
Lãi chênh lệch tỷ giá	672.981.572	1.687.307.241
TỔNG CỘNG	3.295.810.974	5.418.572.994

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn hàng hóa đã bán	166.157.599.314	199.972.432.087
Giá vốn dịch vụ cung cấp	55.505.391.984	55.286.903.781
Giá vốn thành phẩm phần mềm	194.517.896	3.175.574.188
Giá vốn của thành phẩm khác	-	43.962.601
TỔNG CỘNG	221.857.509.194	258.478.872.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	965.418.723	4.517.515.247
Lỗ chênh lệch tỷ giá	434.331.146	748.373.097
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.696.472.662	731.374.977
Chi phí tài chính khác	230.855	211.195
TỔNG CỘNG	5.096.453.386	5.997.474.516

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí công tác, xăng xe, đi lại	2.526.160.728	1.672.683.110
Chi phí tiếp khách, hội thảo, marketing	3.205.615.829	1.687.850.422
Phí chuyển tiền, bảo lãnh ngân hàng	440.097.741	1.294.018.201
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	-	116.266.298
Chi phí bảo hành hàng hoá	(383.065.513)	4.427.810.301
Chi phí bảo hành phần mềm	(118.074.886)	(776.927.340)
Chi phí bán hàng khác	709.548.550	377.611.547
TỔNG CỘNG	6.380.282.449	8.799.312.539
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí lương	25.998.759.169	24.933.424.498
Chi phí công cụ, dụng cụ	516.439.818	681.319.585
Chi phí khấu hao	4.494.794.281	3.336.962.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.468.338.726	2.510.384.823
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.883.204.701)	20.799.610.524
Chi phí khác	3.460.690.671	6.807.195.634
TỔNG CỘNG	32.055.817.964	59.068.897.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thu nhập khác	2.655.297.589	1.748.795.115
Chiết khấu/thưởng từ nhà cung cấp	2.538.408.699	1.025.341.219
Thu phạt chậm hợp đồng	-	404.776.011
Các khoản khác	116.888.890	318.677.885
Chi phí khác	4.322.582.012	965.781.423
Lỗ từ thanh lý hàng tồn kho	4.204.959.794	-
Phạt chậm hợp đồng	-	962.077.200
Chi phí khác	117.622.218	3.704.223
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	(1.667.284.423)	783.013.692

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí mua hàng hóa	177.508.860.865	206.415.240.667
Chi phí nhân công	28.505.509.864	27.510.273.933
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13.773.921.906	12.588.410.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.663.448.836	45.875.890.280
Chi phí khác bằng tiền	13.841.868.136	33.957.267.412
TỔNG CỘNG	260.293.609.607	326.347.082.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.003.391.880	5.222.439.037
TỔNG CỘNG	7.003.391.880	5.222.439.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.789.987.269	31.145.260.948
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	6.293.332.215	4.679.108.617
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>740.283.776</i>	<i>581.018.460</i>
Chi phí khấu hao vượt định mức	40.009.373	64.089.173
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	521.901.251	218.612.742
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	12.000.000	12.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thực hiện trong kỳ	166.373.152	235.733.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	50.582.743
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(30.224.111)</i>	<i>(37.688.040)</i>
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(30.186.690)	(37.688.040)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(37.421)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.003.391.880	5.222.439.037

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Mua hàng hóa	11.701.880.000	3.639.980.000
		Cổ tức, lợi nhuận nhận được	10.505.546.927	-
		Chuyển quỹ khen thưởng phúc lợi	2.500.000.000	1.935.406.177
		Cho thuê văn phòng, thuê xe	1.180.246.430	1.210.597.234
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Mua dịch vụ	1.760.014.369	2.292.684.196
		Cho thuê văn phòng, chỗ đặt thiết bị	152.820.432	201.124.670
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa, dịch vụ	20.460.958.104	6.054.509.027
Công ty Cổ phần Pan-Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.755.785.018	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Góp vốn	1.815.000.000	-
		Cho thuê văn phòng	966.113.630	966.440.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã trích lập 3.504.463.808 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác từ các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.287.047.643	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	6.822.197.499	5.842.032.507
Công ty Cổ phần Pan-Farm	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	695.286.810	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	38.400.000
TỔNG CỘNG			16.402.302.731	6.478.203.286
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản trả trước tiền đất theo Biên bản Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư ngày 2 tháng 1 năm 2015 giữa Công ty và các bên liên quan trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7) (**)				
Bà Đặng Thị Thanh Hương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.867.436.000	-
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.400.000.000	6.000.000.000
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.500.000.000
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	600.000.000	1.600.000.000
TỔNG CỘNG			4.867.436.000	9.100.000.000

(**) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Bà Đặng Thị Thanh Hương	1.867.436.000	1 tháng	8%/năm	Tín chấp
Ông Nguyễn Văn Hòa	1.400.000.000	3 tháng	9%/năm	Tín chấp
Ông Vũ Văn Cao	1.000.000.000	5 tháng	8%/năm	Tín chấp
Bà Phùng Thu Phương	600.000.000	4 tháng	8%/năm	Tín chấp

Phải thu khác (Thuyết minh số 8)

Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Thu lợi nhuận	45.768.797.558	56.274.344.485
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu cho vay không lãi	3.281.000.000	3.881.000.000
		Lãi vay	408.885.279	408.885.279
TỔNG CỘNG			49.458.682.837	60.564.229.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)				
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	Công ty con	Nhập phần mềm, mua hàng hóa	6.550.000.000	8.765.597.000
Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ phần mềm	1.413.947.139	2.029.598.022
TỔNG CỘNG			7.963.947.139	10.795.195.022

Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)

Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	-	7.921.879.043
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên HĐQT	Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474
TỔNG CỘNG			-	8.959.942.517

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

			Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng			2.615.361.503	1.975.099.680
TỔNG CỘNG			2.615.361.503	1.975.099.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	1.926.450.000	2.070.600.000
Từ 1 – 5 năm	3.760.152.500	-
TỔNG CỘNG	5.686.602.500	2.070.600.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đến 1 năm	3.727.764.170	4.413.768.560
Từ 1 – 5 năm	3.285.255.792	-
TỔNG CỘNG	7.013.019.962	4.413.768.560

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

Đơn vị tính: VND				
STT	Bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp Số vốn chưa góp	
1	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
2	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	13.710.000.000	8.790.000.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
TỔNG CỘNG		513.418.000.000	70.602.240.000	442.815.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của năm nay. Chi tiết như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Đơn vị tính: VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.204.557.842	(5.862.765.957)	341.791.885
Đầu tư dài hạn khác	125.691.049.500	5.862.765.957	131.553.815.457

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-06/2017/NQ-HĐQT về việc sử dụng 116.500 cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động trong Công ty. Số cổ phiếu này được chuyển quyền sở hữu vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-08/2017/NQ-HĐQT về việc chi trả cổ tức còn lại của năm 2016 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 2% (tương ứng với 1 cổ phiếu nhận được 200 VND); và trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7% (mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu mới), với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 3.331.151 cổ phiếu. Ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức là ngày 21 tháng 9 năm 2017.

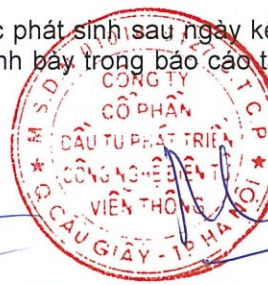
Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh




Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017